

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN**37010140 DẦU CÁCH ĐIỆN IDEMITSU TRANSFORMER OIL G(J)****1. Nhận dạng chất/chế phẩm và công ty/cam kết**

Tên sản phẩm : 37010140 IDEMITSU TRANSFORMER OIL G(J) **Nhà sản xuất** : CÔNG TY TNHH IDEMITSUKOSAN
3 - 1 - 1 M A R U N O U C H I
CHIYODA-KU
TOKYO NHẬT BẢN
ĐT : +81-3-3213-3143

Số điện thoại khẩn cấp : +81-3-3213-3143 **Nhà cung cấp** :

Sử dụng vật liệu : Không có sẵn.

2. Thành phần/thông tin về các thành phần**Chất/Chế phẩm** : Chế phẩm

Tên chất hóa học*	Số CAS	%	Số EC	Phân loại
Dầu khoáng Xem phần 16 để biết toàn văn nhóm R- khai báo ở trên		100		

* Giới hạn Phơi nhiễm Nghề nghiệp, nếu có, được nêu ở phần 8

3. Nhận dạng các mối nguy hại

Chế phẩm không được phân loại là nguy hiểm theo Chỉ thị 67/548/EEC và các bản hiệu chỉnh..

Tiếp xúc với da : Kích ứng bởi sản phẩm trong trường hợp tiếp xúc với da: Không có. Sự mẫn cảm do sản phẩm: Không có sẵn.

Tình trạng tăng nặng : Sự tiếp xúc lặp đi lặp lại hoặc kéo dài không được biết là làm trầm trọng thêm tình trạng sức khỏe.

4. Các biện pháp sơ cứu**Các biện pháp sơ cứu**

Hít phải : Nếu hít phải, di chuyển đến nơi không khí trong lành. Nếu không thể thở, hô hấp nhân tạo. Nếu thở khó khăn, cung cấp oxygen. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Nuốt phải : KHÔNG ép nôn trừ khi có chỉ dẫn bởi nhân viên y tế. Không bao giờ nuốt bất cứ thứ gì vào miệng một người đã bất tỉnh. Nới lỏng quần áo như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây thắt lưng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xuất hiện.

Tiếp xúc với da : Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa da với nhiều nước. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Giặt quần áo trước khi tái sử dụng. Làm sạch giày trước khi tái sử dụng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Tiếp xúc với mắt : Tìm và tháo bỏ kính sát trùng. Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

5. Các biện pháp chống cháy**Phương tiện chữa cháy**

Phù hợp : CHÁY NHỎ: Sử dụng bột hóa chất khô.
CHÁY LỚN: Dùng bình phun nước, sương hay bọt. Không dùng tia nước.

Các quy trình chữa cháy đặc biệt : Nhân viên cứu hỏa phải mang thiết bị thở độc lập áp suất dương (SCBA) và thiết bị bảo vệ cá nhân đầy đủ.**Thiết bị bảo vệ nhân viên cứu hỏa** : Đảm bảo sử dụng mặt nạ phòng độc được chứng nhận/phê duyệt hoặc tương đương.**6. Các biện pháp hạn chế tai nạn****Sự phòng ngừa cá nhân** : Kính bảo hộ. Mặc đủ đồ. Giày. Găng tay. Quần áo bảo hộ được đề nghị có thể không đầy đủ; tham khảo ý kiến chuyên gia TRƯỞNG KHI xử lý sản phẩm này.**Các phương pháp phòng ngừa về môi trường và làm sạch** : Thấm hút bằng vật liệu trơ và đặt chất bị đổ ra và mang đến nơi xử lý chất thải phù hợp.

Lưu ý: Xem phần 8 về thiết bị bảo hộ cá nhân và phần 13 về xử lý chất thải.

7. Xử lý và bảo quản

- Xử lý** : Tránh nhiệt. Giữ xa nguồn phát tia lửa. Vật chứa rỗng đặt ra nguy cơ cháy, làm bay hơi dư lượng bằng tủ hút khí độc. Nối đất tất cả các thiết bị có chứa vật liệu. Không được nuốt. Không hít khí /khói/ hơi/khí phun. Nếu nuốt phải, tìm kiếm sự tư vấn y tế ngay và trưng vật chứa hoặc nhãn.
- Bảo quản** : Giữ vật chứa đóng kín. Giữ vật chứa tại nơi mát, thoáng gió.
- Vật liệu đóng gói**
- Cách sử dụng khuyến nghị** : Sử dụng vật chứa gốc.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

- Các biện pháp kỹ thuật** : Trang bị hệ thống xả hơi, thông hơi xả hoặc kiểm soát kỹ thuật khác để giữ cho nồng độ hơi trong không khí dưới mức giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp. Cần đặt những bồn rửa mắt khẩn cấp và vòi tắm khẩn cấp gần nơi làm việc
- Các biện pháp vệ sinh** : Rửa tay sau khi xử lý các hợp chất và trước khi ăn, hút thuốc, sử dụng phòng vệ sinh, và vào cuối ngày.

Tên thành phần

Dầu khoáng

Giới hạn Phơi nhiễm Nghề nghiệp

Giá trị giới hạn ngưỡng của ACGIH (Hoa Kỳ, 2004).

Trung bình tính theo thời gian: 5 mg/m³ 8 giờ. Dạng: Sương dầu

Thiết bị bảo hộ cá nhân

- Da và cơ thể** : Áo phòng thí nghiệm.
- Tay** : Găng tay không thấm nước.
- Mắt** : Kính bảo hộ.

9. Đặc tính lý, hóa

- Trạng thái vật lý** : Chất lỏng.
- Màu** : Vàng. (Nhạt.)
- Mùi** : Đặc trưng.
- Độ pH** : Không áp dụng.
- Điểm cháy** : Phương pháp cốc kín: 150°C (302°F)(Pensky-Martens.)
- Tính chất nổ** : Nguy cơ nổ của các sản phẩm khi có các tác động cơ học: Không có sẵn.
Nguy cơ nổ của các sản phẩm khi có sự phóng tĩnh điện: Không có sẵn.
- Thuộc tính oxi hóa** : Không có sẵn.
- Mật độ** : 0,89 g/cm³ (15°C / 59°F)
- Độ tan trong nước** : Không tan trong nước.
- Độ nhớt động học** : (40C): 8,74 cSt

10. Sự ổn định và phản ứng

- Sự ổn định** : Sản phẩm ổn định.

11. Thông tin về độc tố

Độ độc cấp tính

Tên thành phần

Dầu khoáng

Thử nghiệm

Liều lượng gây tử vong

Kết quả

>5000 mg/kg

Đường xâm nhập

Miệng

Loại

Chuột

Các tác động địa phương

- Độ độc mãn tính** : Sự tiếp xúc lặp đi lặp lại hoặc kéo dài không được biết là làm trầm trọng thêm tình trạng sức khỏe.

12. Thông tin về sinh thái

13. Xem xét khi vứt bỏ

- Phương pháp xử lý; Chất thải dư lượng; bao bì nhiễm bẩn** : Chất thải phải được xử lý theo các quy định kiểm soát môi trường liên bang, tiểu bang và địa phương.
- Phân loại chất thải** : Không áp dụng.
- Danh mục chất thải Châu Âu (EWC) Chất thải nguy hại** : Không có sẵn.
: Theo sự hiểu biết của nhà cung cấp, sản phẩm này không được coi là chất thải nguy hại theo quy định của Chỉ thị 91/689/EC của Liên Minh Châu Âu.

14. Thông tin về vận chuyểnQuy định vận chuyển quốc tế

Thông tin Điều chỉnh	Số UN	Tên vận chuyển hàng hóa	Phân loại	Nhóm đóng gói	Nhãn	Thông tin bổ sung
Phân loại theo ADR/RID	Không quy định.	Không có sẵn	Không có sẵn			-
Phân loại theo ADN	Không quy định	Không có sẵn	Không có sẵn			-
Phân loại theo IMDG	Không quy định	Không có sẵn	Không có sẵn			-
Phân loại theo IATA-DGR	Không quy định.	Không có sẵn	Không có sẵn			-

15. Thông tin điều chỉnhNhững quy định của EU

- Nhóm nguy cơ Sử dụng sản phẩm** : Sản phẩm này không được phân loại theo các quy định của EU.
: Việc phân loại và ghi nhãn đã được thực hiện theo các Chỉ thị 67/548/EEC, 1999/45/EC của EU, gồm các bản hiệu chỉnh và mục đích sử dụng.
- Các ứng dụng của người tiêu dùng.
- Nhóm Cảnh báo Bổ sung Phân loại bằng thống kê EC (Mã Thuế)** : Bảng Dữ liệu An toàn có sẵn cho người dùng chuyên môn theo yêu cầu.

16. Thông tin khác

- Toàn văn nhóm R- số tại phần 2 – Châu Âu** :
- Văn bản về phân loại tại Phần 2 – Châu Âu** :
- LỊCH SỬ**
- Ngày in** : 12/06/2012.
- Ngày phát hành** : 12/06/2012.
- Ngày phát hành trước đây** : Không có sự xác nhận trước đây.
- Phiên bản** : 3
- Người lập** :

Thông báo dành cho Người đọc

Theo sự hiểu biết đầy đủ nhất của chúng tôi, các thông tin trong tài liệu này là chính xác. Tuy nhiên, cả nhà cung cấp có tên nêu trên lẫn bất kỳ công ty con nào của nhà cung cấp đó sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin trong tài liệu này.

Quyết định cuối cùng về sự phù hợp của bất kỳ vật liệu nào là trách nhiệm riêng của người sử dụng. Tất cả các vật liệu có thể mang các mối nguy hiểm chưa biết và cần được sử dụng một cách thận trọng. Mặc dù một mối nguy hiểm nhất định đã được mô tả trong tài liệu này, chúng tôi không thể bảo đảm rằng đây là những mối nguy hiểm duy nhất tồn tại.